

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: MH110412801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003		7,5	Bảy, năm	C23KT1	
2	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
3	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
4	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
5	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003		7,5	Bảy, năm	C23KT1	
6	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
7	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
8	2110110015	Lê Bùi Thúy Nhi	24/08/2003		8,0	Tám	C23KT1	
9	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
10	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003		8,0	Tám	C23KT1	
11	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003		6,0	Sáu	C23KT1	
12	2110110021	Võ Lâm Hồng Nhung	24/10/2003		8,0	Tám	C23KT1	
13	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003		6,0	Sáu	C23KT1	
14	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995		7,0	Bảy	C23KT1	
15	2110110008	Nguyễn Kim Quyên	30/05/2003		8,0	Tám	C23KT1	
16	2110110005	Trần Thị Hoàng Thơ	03/08/2003		8,0	Tám	C23KT1	
17	2110110024	Vũ Minh Thư	29/10/2003		7,5	Bảy, năm	C23KT1	
18	2110110002	Võ Thị Thu Trang	27/06/1999		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
19	2110110022	Đoàn Phạm Thanh Vy	27/02/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
20	2110110025	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/09/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
21	2110110023	Mai Thị Hương Yến	16/09/2002		8,0	Tám	C23KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 0 . Số bài thi: 21 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 21 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, _____ %

Ngày 21 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: MH110412801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
2	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
3	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
4	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003		6,0	Sáu	C23KT1	
5	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
6	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
7	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
8	2110110015	Lê Bùi Thúy Nhi	24/08/2003		8,0	Tám	C23KT1	
9	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
10	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003		7,5	Bảy, năm	C23KT1	
11	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
12	2110110021	Võ Lâm Hồng Nhung	24/10/2003		8,5	Tám, năm	C23KT1	
13	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
14	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995		7,0	Bảy	C23KT1	
15	2110110008	Nguyễn Kim Quyên	30/05/2003		8,0	Tám	C23KT1	
16	2110110005	Trần Thị Hoàng Thơ	03/08/2003		8,0	Tám	C23KT1	
17	2110110024	Vũ Minh Thư	29/10/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
18	2110110002	Võ Thị Thu Trang	27/06/1999		6,0	Sáu	C23KT1	
19	2110110022	Đoàn Phạm Thanh Vy	27/02/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
20	2110110025	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/09/2003		7,0	Bảy	C23KT1	
21	2110110023	Mai Thị Hương Yến	16/09/2002		8,0	Tám	C23KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 21 vắng thi: 0. Số bài thi: 21 / 1.

Số sinh viên đạt/không đạt: 21 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, %

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110412801

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003		5,5	Năm, năm	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ Duyên	09/05/2003		8	Tám	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003		8,5	Tám rưỡi	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003		7	Bảy	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002		8	Tám	C23KT2	
6	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003		5,5	Năm, năm	C23KT2	
7	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003		7	Bảy	C23KT2	
8	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003		8,5	Tám, rưỡi	C23KT2	
9	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003		8	Tám	C23KT2	
10	2110110042	Phạm Tâm Thiên	08/08/2003		6	Sáu	C23KT2	
11	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc Thủy	15/06/2003		8	Tám	C23KT2	
12	2110110055	Lê Quang Tiến	07/01/1999		8	Tám	C23KT2	
13	2110110037	Bùi Thị Khánh Vy	26/07/2003		7,5	Bảy rưỡi	C23KT2	
14	2110110047	Nguyễn Tường Vy	13/12/2003		7	Bảy	C23KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 14 vắng thi: 0 . Số bài thi: 14 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 14 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , 0 %

Ngày 21 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

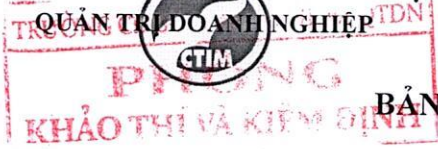
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: MH110412801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003		6	Sáu	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đăng Mỹ Duyên	09/05/2003		8	Tám	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003		8,5	Tám, năm	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002		8,5	Tám, năm	C23KT2	
6	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003		6	Sáu	C23KT2	
7	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003		7,5	Bảy, năm	C23KT2	
8	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003		8,5	Tám, năm	C23KT2	
9	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003		8	Tám	C23KT2	
10	2110110042	Phạm Tâm Thiên	08/08/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT2	
11	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc Thủy	15/06/2003		8,0	Tám	C23KT2	
12	2110110055	Lê Quang Tiến	07/01/1999		8	Tám	C23KT2	
13	2110110037	Bùi Thị Khánh Vy	26/07/2003		8	Tám	C23KT2	
14	2110110047	Nguyễn Tường Vy	13/12/2003		7	Bảy	C23KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 14 vắng thi: 0 . Số bài thi: 14 / 1 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 14 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , 0 %

Ngày: 28 tháng 9 năm 2023.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 27 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: MH110412801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999		6,5	Sáu, năm	C22KT1	
2	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002		6,5	Sáu, năm	C22KT1	
3	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002		6,0	Sáu	C22KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 0 . Số bài thi: 03 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 03 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110412801

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền - (04057)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999		6,5	Sáu, năm	C22KT1	
2	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002		6,5	Sáu, năm	C22KT1	
3	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002		5,5	Năm, năm	C22KT2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 03 vắng thi: 0. Số bài thi: 03 /

Số sinh viên đạt/không đạt: 03 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, %

Ngày 21 tháng 9 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 20 tháng 9 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Tuyền

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Kế toán Excel - MH1104128

Mã lớp học phần: MH110412801

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Thị Tuyền

Ngày thi: 17/11/2023

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 1: Cao Thế Vinh Ký tên: Cao Thế Vinh

Giám thị 2: Trần Thị Tuyền Ký tên: Trần Thị Tuyền

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003	<u>[Chữ ký]</u>		1,0	Một	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đăng Mỹ Duyên	09/05/2003	<u>[Chữ ký]</u>		3,3	Ba, ba	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003	<u>[Chữ ký]</u>		6,0	Sáu	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003	<u>[Chữ ký]</u>		3,0	Ba	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002	<u>[Chữ ký]</u>		5,0	Năm	C23KT2	
6	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003	<u>[Chữ ký]</u>		9,0	Chín	C23KT1	
7	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003	<u>[Chữ ký]</u>		3,7	Ba, bảy	C23KT1	
8	2010110003	Lê Thị Kim Hương	21/12/1999	<u>[Chữ ký]</u>		5,0	Năm	C22KT1	
9	2010110019	Nguyễn Huỳnh Luân	12/11/2002	<u>[Chữ ký]</u>		5,0	Năm	C22KT1	
10	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003	<u>[Chữ ký]</u>		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
11	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003	<u>[Chữ ký]</u>		5,2	Năm, hai	C23KT1	
12	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003	<u>[Chữ ký]</u>		4,6	Bốn, sáu	C23KT1	
13	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003	<u>[Chữ ký]</u>		5,5	Năm, năm	C23KT1	
14	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003	<u>[Chữ ký]</u>		3,0	Ba	C23KT2	
15	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003	<u>[Chữ ký]</u>		7,0	Bảy	C23KT2	
16	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003	<u>[Chữ ký]</u>		6,0	Sáu	C23KT2	
17	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003	<u>[Chữ ký]</u>		2,3	Hai, ba	C23KT1	
18	2110110015	Lê Bùi Thủy Nhi	24/08/2003	<u>[Chữ ký]</u>		7,0	Bảy	C23KT1	
19	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003	<u>[Chữ ký]</u>		4,4	Bốn, bốn	C23KT1	
20	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003	<u>[Chữ ký]</u>		4,6	Bốn, sáu	C23KT2	
21	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003	<u>[Chữ ký]</u>		4,6	Bốn, sáu	C23KT1	
22	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003	<u>[Chữ ký]</u>		5,5	Năm, năm	C23KT1	
23	2110110021	Võ Lâm Hồng Nhung	24/10/2003	<u>[Chữ ký]</u>		4,3	Bốn, ba	C23KT1	
24	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003	<u>[Chữ ký]</u>		5,0	Năm	C23KT1	
25	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995	<u>[Chữ ký]</u>		3,7	Ba, bảy	C23KT1	
26	2110110008	Nguyễn Kim Quyên	30/05/2003	<u>[Chữ ký]</u>		5,6	Năm, sáu	C23KT1	
27	2110110042	Phạm Tâm Thiên	08/08/2003	<u>[Chữ ký]</u>		4,8	Bốn, tám	C23KT2	
28	2110110005	Trần Thị Hoàng Thơ	03/08/2003	<u>[Chữ ký]</u>		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
29	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc Thủy	15/06/2003	<u>[Chữ ký]</u>		6,0	Sáu	C23KT2	
30	2110110024	Vũ Minh Thư	29/10/2003	<u>[Chữ ký]</u>		6,0	Sáu	C23KT1	
31	2110110055	Lê Quang Tiến	07/01/1999	<u>[Chữ ký]</u>		6,0	Sáu	C23KT2	
32	2110110002	Võ Thị Thu Trang	27/06/1999	<u>[Chữ ký]</u>		5,5	Năm, năm	C23KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010110037	Nguyễn Thị Thảo Uyên	06/09/2002	<i>Uyên</i>		6,5	Sáu, năm	C22KT2	
34	2110110037	Bùi Thị Khánh Vy	26/07/2003	<i>Vy</i>		4,5	Bốn, năm	C23KT2	
35	2110110022	Đoàn Phạm Thanh Vy	27/02/2003	<i>Vy</i>		6,8	Sáu, tám	C23KT1	
36	2110110025	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/09/2003	<i>Vy</i>		6,0	Sáu	C23KT1	
37	2110110047	Nguyễn Tường Vy	13/12/2003	<i>Vy</i>		3,6	Ba, sáu	C23KT2	
38	2110110023	Mai Thị Hương Yên	16/09/2002	<i>Hương Yên</i>		4,3	Bốn, ba	C23KT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 38 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 38 / 1

Số sinh viên đạt: 30 Tỷ lệ đạt: 78,9 %

Ngày 18 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



[Signature]
AS Thảo Uyên

Ngày 17 tháng 11 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị Nguyễn